

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4309/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

1. Bổ sung Điều 15a như sau:

“Điều 15a. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định cấp lần đầu, cấp lại:

Nội dung	Mức thu (đồng/dự án, cơ sở)	
	Cấp tỉnh	Cấp huyện
- Trường hợp đối tượng thuộc điểm c khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường		
+ Trường hợp không kiểm tra thực tế	8.600.000	6.000.000
+ Trường hợp phải kiểm tra thực tế	13.200.000	6.800.000
- Trường hợp đối tượng thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	4.600.000	4.600.000

b) Thẩm định cấp điều chỉnh: Mức thu phí bằng 50% mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

5. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.”

2. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Lệ phí đăng ký cư trú

1. Người nộp lệ phí: Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thu lệ phí: Công an xã, phường, thị trấn.

3. Mức thu lệ phí:

Nội dung công việc	Mức thu (đồng/lần)	
	Tại phường	Tại xã, thị trấn
a) Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú, tách hộ	20.000	10.000
b) Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú	8.000	4.000

4. Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

a) Công dân là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình nghèo.

b) Đính chính lại địa chỉ do Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.

c) Xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú.

5. Kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, cơ quan thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

6. Quản lý lệ phí: Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.”

3. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“Điều 18. Lệ phí hộ tịch

1. Người nộp lệ phí: Người được cơ quan có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

3. Mức thu lệ phí:

a) Đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 8.000 đồng/trường hợp.
- Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử: 8.000 đồng/trường hợp.
- Đăng ký lại kết hôn: 30.000 đồng/trường hợp.
- Nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/trường hợp.
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 15.000 đồng/trường hợp.
- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng/trường hợp.
- Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng/trường hợp.

b) Đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 75.000 đồng/trường hợp.
- Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử: 75.000 đồng/trường hợp.
- Đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn: 1.500.000 đồng/trường hợp.
- Giám hộ, chấm dứt giám hộ: 75.000 đồng/trường hợp.
- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp.
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc: 28.000 đồng/trường hợp.
- Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng/trường hợp.

4. Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

c) Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, cơ quan thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

6. Quản lý lệ phí: Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.”

4. Bãi bỏ Điều 12 và Điều 17.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 8 như sau:

“a) Cấp đổi do dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp; cấp đổi theo đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; điều chỉnh, thay đổi thông tin thửa đất và địa chỉ thửa đất; điều chỉnh địa chỉ chủ sử dụng đất do thay đổi địa giới hành chính, biên số nhà.”

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 Điều 8 như sau:

“c) Thay đổi thông tin người sử dụng đất do thay đổi từ giấy chứng minh nhân dân sang căn cước công dân.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Người nộp lệ phí: Người sử dụng lao động khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động; cấp lại giấy phép lao động và gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh.”

4. Bổ sung điểm c vào khoản 3 Điều 19 như sau:

“c) Gia hạn giấy phép: 800.000 đồng/giấy phép.”

5. Sửa đổi cụm từ “hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC” thành cụm từ “quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế” tại điểm c khoản 4 các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 19, 21 và điểm c khoản 6 các Điều: 3, 5, 8, 13, 14, 15, 20, 22.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; *am*
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH; Báo Lâm Đồng;
- TT Tích hợp DL và chuyển đổi số tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận